

NGHỊ QUYẾT

Về việc quy định các mức chi tiếp khách nước ngoài, tổ chức các hội nghị quốc tế tại Việt Nam và các mức chi tiếp khách trong nước đối với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Long An

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LONG AN
KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 15**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 10/8/2018 của Bộ Tài chính quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước;

Xét Tờ trình số 74/TTr-UBND ngày 05/6/2019 của UBND tỉnh và dự thảo Nghị quyết về việc quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Long An; Báo cáo thẩm tra số 352/BC-HĐND ngày 26/6/2019 của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất quy định các mức chi tiếp khách nước ngoài, tổ chức các hội nghị quốc tế tại Việt Nam và các mức chi tiếp khách trong nước đối với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Long An, cụ thể như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định các mức chi tiếp khách nước ngoài, tổ chức các hội nghị quốc tế tại Việt Nam và các mức chi tiếp khách trong nước của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức sử dụng kinh phí do ngân sách nhà nước hỗ trợ (sau đây gọi tắt là cơ quan, đơn vị) trên địa bàn tỉnh Long An.

2. Đối tượng áp dụng

- a) Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Long An.
- b) Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp.
- c) Các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức có sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Long An.

3. Nguồn kinh phí

- a) Ngân sách nhà nước.
- b) Nguồn thu từ hoạt động sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập.
- c) Các khoản đóng góp, ủng hộ, tài trợ của các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong và ngoài nước.
- d) Nguồn thu phí được để lại theo quy định của pháp luật phí, lệ phí (trong trường hợp có văn bản của cấp có thẩm quyền cho phép sử dụng nguồn thu phí được để lại để chi tiếp khách nước ngoài, chi hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chi tiếp khách trong nước).

4. Chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc với các cơ quan, đơn vị và chế độ chi hội nghị, hội thảo quốc tế trên địa bàn tỉnh Long An

Được thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính tại Thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 10/8/2018 quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước.

5. Chế độ tiếp khách trong nước và đối tượng khách trong nước được mời cơm

5.1. Chi tiếp khách trong nước:

- Chi giải khát: 30.000 đồng/buổi (nửa ngày)/người;
- Chi mời cơm: 300.000 đồng/1 suất (đã bao gồm đồ uống).

5.2. Đối tượng khách trong nước được mời cơm

5.2.1. Đối tượng khách trong nước được mời cơm của Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Long An, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Tổng Bí thư Đảng, Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Phó Chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ, Ủy viên Bộ Chính trị.

b) Các cơ quan Trung ương bao gồm: Các cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Quốc hội, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các Bộ, ngành, Đoàn thể Trung ương; các Ban Đảng, các Ủy ban của Quốc hội; cấp Vụ của các Bộ, ngành Trung ương và tương đương.

c) Các đoàn khách các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: Các cơ quan Đảng, Đoàn Đại biểu quốc hội, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp; các sở, ban, ngành và các tổ chức đoàn thể.

d) Các đoàn khách là các đồng chí lão thành cách mạng; Bà mẹ Việt Nam anh hùng; người dân tộc thiểu số; già làng, trưởng bản, chức sắc, tôn giáo; các đối tượng chính sách.

đ) Các tổ chức đến thăm, tìm hiểu, xúc tiến và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh; làm việc, trao đổi những vấn đề liên quan đến sự hợp tác thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của tỉnh

e) Các tổ chức trong nước đến quan hệ giúp đỡ, ủng hộ làm công tác xã hội từ thiện, cứu nạn, cứu hộ.

g) Khách dự đại hội, hội nghị, hội thảo, tọa đàm, lễ mitting, kỷ niệm, tập huấn do Trung ương, địa phương tổ chức theo phân cấp.

h) Các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh.

i) Ngoài các đối tượng khách nêu trên, đối với một số trường hợp khác nếu xét thấy cần thiết mời cơm phải được Trưởng đoàn ĐBQH, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch và cho chủ trương tiếp đón.

5.2.2 Đối tượng khách trong nước được mời cơm của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố, phường, xã, thị trấn

Những đối tượng khách trong nước như quy định tại điểm b, c, d, đ, e, g, h mục 5.2.1 nêu trên.

Ngoài các đối tượng khách nêu trên, đối với một số trường hợp khác nếu xét thấy cần thiết phải mời cơm phải được Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp phê duyệt kế hoạch và cho chủ trương tiếp đón.

5.2.3. Đối tượng khách trong nước được mời cơm của các cơ quan, đơn vị quy định tại điểm c mục 2 nêu trên

a) Đối tượng khách trong nước đến làm việc với cơ quan, đơn vị theo chương trình, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt và được bố trí kinh phí riêng từ nguồn kinh phí được giao nhưng không thực hiện chế độ tự chủ. Riêng đối với đối tượng khách trong nước đến làm việc với các tổ chức Hội thuộc phạm vi điều chỉnh tại Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ, được chủ động sử dụng từ nguồn kinh phí ngân sách bố trí hỗ trợ cho các nhiệm vụ Nhà nước giao trong dự toán chi thường xuyên hàng năm để thực hiện.

HĐND tỉnh giao UBND tỉnh có quy định cụ thể về nội dung này.

b) Trường hợp đối tượng khách trong nước khác, nếu xét thấy cần thiết phải mời cơm thì thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định tiếp khách theo thẩm quyền và phải được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đơn vị và sử dụng từ nguồn kinh phí được giao thực hiện chế độ tự chủ.

Riêng đối với các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên: Đối tượng khách được mời com do thủ trưởng đơn vị xem xét quyết định và phải được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả phù hợp với đặc điểm hoạt động của đơn vị.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 143/2010/NQ-HĐND ngày 13/7/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chế độ chi tiêu tiếp khách nước ngoài đến làm việc, dự hội nghị, hội thảo trên địa bàn tỉnh Long An và chi tiêu tiếp khách trong nước.

Khi các văn bản quy định về chế độ, định mức chi dẫn chiếu để áp dụng tại nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Thường trực, các Ban, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Long An khóa IX, kỳ họp thứ 15 thông qua ngày 18/7/2019 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/8/2019./.

Nơi nhận:

- UB Thường vụ Quốc hội (b/c);
- Chính phủ (b/c);
- VP. QH, VP. CP (TP.HCM) (b/c);
- Ban Công tác đại biểu của UBTWQH (b/c);
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Đại biểu QH đơn vị tỉnh Long An;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa IX;
- UBND tỉnh; UBMTTQ VN tỉnh;
- Các sở, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh;
- Trang Thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- Lưu: VT. (20)

CHỦ TỊCH



Phạm Văn Rạng